

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO TỪ XA

(Kèm theo Quyết định số: 656/QĐ-ĐHSPKT ngày 21 tháng 02 năm 2025 của
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật nhiệt

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ Kỹ thuật nhiệt (THERMAL ENGINEERING TECHNOLOGY)

Mã ngành: 7510206TXLD

Hình thức đào tạo: Liên thông ĐTTX đối với người có văn bằng Đại học theo quy định.

Áp dụng cho đối tượng: Đã tốt nghiệp Đại học các ngành thuộc nhóm ngành khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên và các ngành khác do Trường Khoa quyết định.

Thời gian đào tạo: 3.0 năm

Danh hiệu cấp bằng khi tốt nghiệp: Kỹ sư

Khóa tuyển sinh áp dụng: Từ 2025 đến khi có Quyết định mới thay thế

Phần II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Kiến thức giáo dục đại cương (50 TC không bao gồm GDTC, GDQPAN, Anh văn)

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TC miễn	TC phải học
1.	LLCT130105	Triết học Mác-Lênin	3	3	
2.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		2
3.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4.	LLCT220514	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	2	
5.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	2	
7.	MATH132401	Toán 1	3	3	
8.	MATH132501	Toán 2	3	3	
9.	MATH132601	Toán 3	3	3	
10.	MATH132901	Xác suất - thống kê ứng dụng	3	3	
11.	PHYS130902	Vật lý 1	3	3	
12.	PHYS131002	Vật lý 2	3	3	
13.	PHYS111202	Thí nghiệm vật lý 1	1	1	
14.	GCHE130603	Hoá đại cương	3	3	
15.	IPRM121585	Lập trình Matlab	2(1+1)	2(1+1)	
16.	INTE130132	Nhập môn ngành Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	3	3	
17.	WOPS120390	Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật	2	2	
18.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	2	
19.	MATH133101	Toán cao cấp dành cho kỹ sư 1	3		3
20.	MATH133201	Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2	3		3
21.	ENCS140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1	0(4)	0(4)	
22.	ENCS240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2	0(4)	0(4)	
23.	-	Giáo dục thể chất 1	1	1	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TC miễn	TC phải học
24.	-	Giáo dục thể chất 2	1	1	
25.	-	Giáo dục thể chất 3	1	1	
26.	-	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	165 tiết	
Tổng			50	42	8

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành: 30 TC

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TC Miễn	TC phải học	Mã HP trước
1.	THME230721	Cơ lý thuyết	3		3	
2.	STMA230521	Sức bền vật liệu	3		3	
3.	TEDG130120	Vẽ kỹ thuật - Cơ bản	3	3		
4.	MEMD230323	Nguyên lý - Chi tiết máy	3		3	
5.	THMA221332	Vật liệu nhiệt lạnh	2		2	
6.	THME221432	Đo lường nhiệt	2	2		
7.	EEEN234062	Kỹ thuật điện – điện tử	3	3		
8.	FLUI230132	Cơ học lưu chất ứng dụng	3		3	
9.	THER230232	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3		3	
10.	HEAT230332	Truyền nhiệt	3		3	
11.	ENTE220432	Anh văn chuyên ngành nhiệt	2		2	
Tổng			30	8	22	

2.2. Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm): 35 TC

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TC Miễn	TC phải học	Mã HP trước
1.	REEN240532	Kỹ thuật lạnh	4		4	
2.	BOIL330632	Lò hơi	3		3	
3.	PFCO330232	Bơm, Quạt và Máy Nén	3		3	
4.	COMP340732	Máy nén và thiết bị lạnh	4		4	
5.	ACSY340932	Điều hòa không khí	4		4	
6.	THPP341032	Nhà máy nhiệt điện	4		4	
7.	DRYT331132	Kỹ thuật sấy và chưng cất	3		3	
8.	DSME443632	Ứng dụng phần mềm thiết kế hệ thống ME	4		4	
9.	PTPA331632	Nguyên lý tự động hóa quá trình nhiệt	3		3	
10.	HEEX321532	Thiết bị trao đổi nhiệt	2		2	
11.	THPR310232	Đồ án nhiệt	1		1	
Tổng			35	0	35	

2.3 Kiến thức liên ngành: 6 TC

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TC Miễn	TC phải học	Mã HP trước
-----	-------------	--------------	------------	---------	-------------	-------------

1.	ENEC320832	Kinh tế năng lượng	2		2	
2.	STRT321732	Chuyên đề lạnh	2		2	
3.	STHT321832	Chuyên đề nhiệt	2		2	
Tổng			6	0	6	

2.4 Kiến thức thực tập: 19 TC

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TC Miễn	TC phải học	Mã HP trước
1.	RETP322132	TT điện lạnh 1	2	2		
2.	RETP332232	TT điện lạnh 2	3	3		
3.	RETP332332	TT điện lạnh 3	3	3		
4.	RETP332432	TT điện lạnh 4	3		3	
5.	BOIP322732	TT lò hơi	2		2	
6.	DRYP322932	TT sấy	2		2	
7.	ENSE320932	Chuyên đề Doanh Nghiệp (CNKT Nhiệt)	2	2		
8.	UNIN423032	Thực tập tốt nghiệp	2	2		
Tổng			19	12	7	

2.5. Tốt nghiệp: 10 TC

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	TC Miễn	TC phải học	Mã HP trước
1.	UNTH402832	Khóa luận tốt nghiệp	10		10	
Tổng			10	0	10	

3. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1:

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Mã HP trước
1	MATH133101	Toán cao cấp dành cho kỹ sư 1	3	
2	THME230721	Cơ lý thuyết	3	
3	STMA230521	Sức bền vật liệu	3	
4	THER230232	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	
5	HEAT230332	Truyền nhiệt	3	
6	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	
Tổng			17	

Học kỳ 2:

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Mã HP trước
1	MATH133201	Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2	3	
2	MEMD230323	Nguyên lý - Chi tiết máy	3	
3	FLUI230132	Cơ học lưu chất ứng dụng	3	
4	REEN240532	Kỹ thuật lạnh	4	
5	HEEX321532	Thiết bị trao đổi nhiệt	2	
6	THMA221332	Vật liệu nhiệt lạnh	2	
Tổng			17	

Học kỳ 3:

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Mã HP trước
1	BOIL330632	Lò hơi	3	
2	PFCO330232	Bơm, Quạt và Máy Nén	3	
3	COMP340732	Máy nén và thiết bị lạnh	4	
4	ACSY340932	Điều hòa không khí	4	
5	ENTE220432	Anh văn chuyên ngành nhiệt	2	
Tổng			16	

Học kỳ 4:

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Mã HP trước
1	THPP341032	Nhà máy nhiệt điện	4	
2	DRYT331132	Kỹ thuật sấy và chưng cất	3	
3	THPR310232	Đồ án nhiệt	1	
4	ENEC320832	Kinh tế năng lượng	2	
5	RETP332432	TT điện lạnh 4	3	
6	STRT321732	Chuyên đề lạnh	2	
Tổng			15	

Học kỳ 5:

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Mã HP trước
1	DSME443632	Ứng dụng phần mềm thiết kế hệ thống ME	4	
2	PTPA331632	Nguyên lý tự động hóa quá trình nhiệt	3	
3	STHT321832	Chuyên đề nhiệt	2	
4	BOIP322732	TT lò hơi	2	
5	DRYP322932	TT sấy	2	
Tổng			13	

Học kỳ 6:

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Mã HP trước
1	UNTH402832	Khóa luận tốt nghiệp	10	
Tổng			10	
Tổng tín chỉ phải học			88	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Quách Thanh Hải

P. TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Văn Trạng